TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2023/HS-ST
Ngày: 24 - 4 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Minh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Trực và bà Bùi Lê Phương Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trương Bảo Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung và bà Bùi Thị Thu Thanh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 27/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phan Đức T (Tên gọi khác: B), sinh ngày 30/5/2006, tại tỉnh T; nơi cư trú: TDP H, phường A, thành phố H, tỉnh T; nghề nghiệp: Nhân viên phục vụ; trình độ học vấn: 7/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn T, sinh năm 1975 và bà Lê Thị T, sinh năm 1979; vợ, con: chưa có. Gia đình có 04 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ ba trong gia đình.

** Về nhân thân:*

Ngày 09/6/2021, bị Công an xã T, huyện V, tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính hình thức "Cảnh cáo" về hành vi "Cùng đồng bọn dùng vỏ chai bia ném vào nhà người khác" theo quyết định số 4832.

Ngày 10/8/2022, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh T ban hành Quyết định khởi tố bị can số 328, về tội "Cố ý gây thương tích" theo Khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Bị bắt tạm giam từ ngày 17/8/2022 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh T cho đến nay trong vụ án khác.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam trong vụ án khác từ ngày 17/8/2022 cho đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh ngày 04/6/2006, tại tỉnh T; nơi cư trú: TDP H, phường A, thành phố H, tỉnh T; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn:

8/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; vợ, con chưa có. Gia đình có 05 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 17/8/2022 cho đến nay. Có mặt.

3. Họ và tên: Nguyễn Quốc H, sinh ngày 01/4/2007, tại tỉnh T; nơi cư trú: Thôn A, xã T, thành phố H, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thanh V, sinh năm 1980 và bà Trần Thị Bích T, sinh năm 1979; vợ, con chưa có. Gia đình có 02 anh em ruột, bị cáo là con đầu.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 17/8/2022 cho đến nay. Có mặt.

4. Họ và tên: Lê Hoàng Hải Q (Tên gọi khác: G), sinh ngày 22/10/2007, tại tỉnh T; nơi cư trú: TDP B, phường A, thành phố H, tỉnh T; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn N, sinh năm 1976 và bà Trần Thị L, sinh năm 1973; vợ, con chưa có. Gia đình có 04 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ tư trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 12/8/2022 cho đến nay. Có mặt.

5. Họ và tên: Nguyễn Văn M (Tên gọi khác: T), sinh ngày 1/6/2007, tại tỉnh T; nơi cư trú: TDP B, phường A, thành phố H, tỉnh T; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn L, sinh năm 1980 và bà Phan Thị P, sinh năm 1982; vợ, con chưa có. Gia đình có 05 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 12/8/2022 cho đến nay. Có mặt.

6. Họ và tên: Dương Văn C, sinh ngày 20/9/2005, tại tỉnh T; nơi cư trú: TDP B, phường A, thành phố H, tỉnh T; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dương Văn C, sinh năm 1967 và bà Trần Thị C, sinh năm 1969; vợ, con chưa có. Gia đình có 05 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ năm trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 12/8/2022 cho đến nay. Có mặt.

7. Họ và tên: Đặng Văn B, sinh ngày 09/12/2006, tại tỉnh T; nơi cư trú: TDP H, phường A, thành phố H, tỉnh T; nghề nghiệp: Đi biển; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Văn Đ, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1980; vợ, con chưa có. Gia đình có 02 anh em ruột, bị cáo là con đầu trong gia đình.

** Về nhân thân:* Ngày 03/10/2021, tụ tập nhiều người ở nơi công cộng gây mất trật tự công cộng; Công an xã D, huyện V, tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo (Theo quyết định số 9613/CAX D ngày 22/10/2021. Số hồ sơ 129XP 1121/4110904).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 12/8/2022 cho đến nay. Có mặt.

8. Họ và tên: Nguyễn Đức H, sinh ngày 04/5/2007, tại tỉnh T; nơi cư trú: TDP B, phường A, thành phố H, tỉnh T; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn C, sinh năm 1973 và bà Lê Thị C, sinh năm 1976; vợ, con chưa có. Gia đình có 04 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ ba trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 12/8/2022 cho đến nay. Có mặt.

9. Họ và tên: Nguyễn Xuân B (Tên gọi khác: Từ), sinh ngày 24/5/2004, tại tỉnh T; nơi cư trú: TDP B, phường A, thành phố H, tỉnh T; nghề nghiệp: Đánh cá; trình độ học vấn: 8/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974 và bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1975; vợ, con chưa có. Gia đình có 05 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

** Về nhân thân:* Ngày 16/7/2022, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh T ban hành Quyết định khởi tố bị can số 288, về tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại khoản khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự. Bị bắt tạm giam từ ngày 16/7/2022 cho đến nay trong vụ án khác.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/7/2022 cho đến nay trong vụ án khác. Có mặt.

10. Họ và tên: Ngô Gia B (Tên gọi khác: T), sinh ngày 30/10/2004, tại tỉnh T; nơi cư trú: TDP T, phường A, thành phố H, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Văn H, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1983; vợ, con chưa có. Gia đình có 02 anh em ruột, bị cáo là con đầu trong gia đình.

* *Về nhân thân:* Ngày 22/10/2021, tụ tập nhiều người ở nơi công cộng gây mất trật tự công cộng; Công an huyện V, tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 375.000 đồng (Theo quyết định số 9609 ngày 22/10/2021).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 29/12/2022 cho đến nay. Có mặt.

11. Họ và tên: Ngô Quốc T (Tên gọi khác: T), sinh ngày 04/3/2005, tại tỉnh T; nơi cư trú: TDP B, phường A, thành phố H, tỉnh T; nghề nghiệp: Đánh cá; trình độ học vấn: 6/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô T, sinh năm 1970 và bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1972; vợ, con chưa có. Gia đình có 03 anh em ruột, bị cáo là con thứ ba trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 29/12/2022 cho đến nay. Có mặt.

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phan Đức T:* Ông Phan Văn T, sinh năm 1975 và bà Lê Thị T, sinh năm 1977 (là cha mẹ của bị cáo); cùng địa chỉ: TDP H, phường A, thành phố H, tỉnh T; Có mặt.

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn T:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980 (là cha mẹ của bị cáo); cùng địa chỉ: TDP H, phường A, thành phố H, tỉnh T; Có mặt.

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Quốc H:* Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1980 và bà Trần Thị Bích T, sinh năm 1979 (là cha mẹ của bị cáo); cùng địa chỉ: Thôn A, xã T, thành phố H, tỉnh T; Có mặt.

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Hoàng Hải Q:* Ông Lê Văn N, sinh năm 1976 và bà Trần Thị L, sinh năm 1973 (là cha mẹ của bị cáo); cùng địa chỉ: TDP B, phường A, thành phố H, tỉnh T; Có mặt.

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn M:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1980 và bà Phan Thị P, sinh năm 1982 (là cha mẹ của bị cáo); cùng địa chỉ: TDP B, phường A, thành phố H, tỉnh T; Có mặt.

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Dương Văn C:* Ông Dương Văn C, sinh năm 1967 và bà Trần Thị C, sinh năm 1969 (là cha mẹ của bị cáo); cùng địa chỉ: TDP B, phường A, thành phố H, tỉnh T; Có mặt.

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Đức H:* Ông Nguyễn C, sinh năm 1973 và bà Lê Thị C, sinh năm 1976 (là cha mẹ của bị cáo); cùng địa chỉ: TDP B, phường A, thành phố H, tỉnh T; Có mặt.

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đặng Văn B:* Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1980 (là cha mẹ của bị cáo); cùng địa chỉ: TDP H, phường A, thành phố H, tỉnh T; Có mặt.

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Ngô Quốc T:* Ông Ngô Tài, sinh năm 1970 và bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1972 (là cha mẹ của bị cáo); cùng địa chỉ: TDP Hải Bình, phường A, thành phố H, tỉnh T; Có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Phan Đức T:* Ông Trần Phước H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T; Có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Ngô Quốc T và bị cáo Nguyễn Văn T:* Bà Cao Thị T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T; Có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc H:* Ông Nguyễn Văn C - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T; Có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Lê Hoàng Hải Q:* Bà Trần Thị Hồng M – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T; Có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn M:* Ông Hồ Ngọc L–Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T; Có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Dương Văn C:* Bà Huỳnh Thị Ngọc T–Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T; Có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Đặng Văn B:* Bà Trương Thị Hồng N - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T; Có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức H:* Bà Nguyễn Thị Ngọc A –Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T; Có mặt.

** Bị hại:* Anh Dương Minh Q, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn K, xã D, thành phố H, tỉnh T; Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1975; địa chỉ: TDP An Hải, phường A, thành phố H, tỉnh T. Có mặt.

- Bà Trần Thị C, sinh năm 1969; địa chỉ: TDP B, phường A, thành phố H, tỉnh T;

- Bà Trần Thị Bích T, sinh năm 1979; địa chỉ: TDP M, phường A, thành phố H, tỉnh T; Có mặt.

- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974; địa chỉ: TDP H, phường A, thành phố H, tỉnh T;

** Người làm chứng:*

- Dương Minh T, sinh ngày 28/7/2007; người đại diện hợp pháp của em Dương Minh T là ông Dương Đạt N, sinh năm 1982 và bà Đinh Thị Thanh T, sinh năm 1983 (là cha mẹ của em Thư); cùng địa chỉ: Thôn K, xã D, thành phố H, tỉnh T; Có mặt.

- Đặng Nhật T, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn C, xã D, thành phố H, tỉnh T; Vắng mặt.

- Đinh Thị Hoài P, sinh ngày 15/01/2004; địa chỉ: TDP T, phường T, thành phố H, tỉnh T; Vắng mặt.

- Võ Trần Tường V, sinh ngày 16/11/2007; người đại diện hợp pháp của em Võ Trần Tường V là ông Võ Thành P và bà Trần Thị Mỹ D (là cha mẹ của em V); cùng địa chỉ: Số 207 đường V, phường A, thành phố H, tỉnh T; Vắng mặt.

- Nguyễn Ngọc Tú Q, sinh ngày 07/01/2007; người địa diện hợp pháp của em Nguyễn Ngọc Tú Q là ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị N (là cha mẹ

của em Q); cùng địa chỉ: Số 111 đường V, phường A, thành phố H, tỉnh T;

- Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 29/8/2007; người đại diện hợp pháp của em Nguyễn Thị Anh Th là bà Nguyễn Thị Minh T (là mẹ của em T); cùng địa chỉ: Số 61/141 đường V, phường A, thành phố H, tỉnh T; Vắng mặt.

- Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 17/5/2006; người địa diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Thu T là chị Nguyễn Thị L; cùng địa chỉ: TDP L, phường A, thành phố H, tỉnh T.

* *Đại diện Trường PTTH A, thành phố H:* Ông Võ Viết Q, Bí thư Đoàn trường; có mặt.

* *Đại diện Trường PTCS T, thành phố H:* Ông Nguyễn Quang N, Giáo viên chủ nhiệm; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 05/6/2022, tại trường THPT A, phường A, thành phố H do tranh nhau xem số báo danh và địa điểm thi vào lớp 10 nên giữa các em Võ Trần Tường V, Tôn Nữ Quỳnh N và Dương Minh T xảy ra mâu thuẫn và xô xát nhau, nên Thư gọi điện thoại cho anh trai của mình là Dương Minh Q đến chở về. Khi đến Q đã dùng tay tát Nguyễn Thị Thu T một cái, Dương Thị Ngọc L hai cái. Thấy vậy, V cùng với Nguyễn Ngọc Tú Q, Nguyễn Thị Anh T vào can ngăn thì Q rút dao từ túi quần phía sau ra dọa đồng thời dùng tay không cầm dao đấm vào mặt Q một cái rồi Q bỏ đi về. Việc xô xát và tát tai nhau ở trên không ai bị thương tích và không có yêu cầu gì.

Sau đó, nhóm Q và nhóm T tạo nhóm trên Facebook để nhắn tin thách thức nhau và hẹn sáng ngày 06/6/2022 về sân bóng đá A, thuộc Tổ dân phố C, phường A, thành phố H để giải quyết mâu thuẫn (nhóm này đã tự giải tán sau khi vụ việc xảy ra).

Sau khi hẹn gặp nhóm của T thì nhóm của Q có thông tin cho một số bạn trai biết. Nhóm của T muốn thể hiện mình đối với các bạn nữ nên khoảng 11 giờ ngày 06/6/2022 đã tụ tập tại khán đài của sân bóng để xem các bạn nữ giải quyết mâu thuẫn, gồm Phan Đức T mang theo một cây dao (thường gọi là dao mèo), Nguyễn Văn T mang theo một cây dao tự chế dài khoảng 50cm, Nguyễn Quốc H mang theo một gậy tam khúc bằng kim loại dài khoảng 60cm, Ngô Gia B mang theo một kiếm bằng nhựa dài khoảng 80cm, Đặng Văn B, Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn M, Lê Hoàng Hải Q, Dương Văn C, Nguyễn Xuân B, Ngô Quốc T không mang theo hung khí gì.

Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, T cùng với Đinh Thị Hoài P và thêm 05 người bạn mới quen (không rõ nhân thân, lai lịch) đi đến nhưng chỉ T và P vào trong sân bóng để nói chuyện với nhóm Q, sau khi nói chuyện thì T cùng các bạn đi ra ngồi quán nước mía ở đèn xanh, đèn đỏ để uống nước. Anh Q nghe tin T và nhóm bạn đến giải quyết mâu thuẫn với nhóm Q nên nhờ Đặng Nhật T chở đi đón T về. Khi Q, T, T và nhóm bạn của T đi qua khỏi cầu T, phường A, thành phố H

thì dừng lại đứng nói chuyện. Nhóm Q sau khi nói chuyện xong với nhóm T thì vẫn ngồi lại trong sân bóng.

Về phía nhóm của T, thấy T và bạn T đi vào nói chuyện khoảng 2 đến 3 phút rồi đi ra ngồi ở quán nước mía, thì T đã ra hiệu vẫy tay rủ cả nhóm gồm: B đi xe mô tô biển số: 75K1-121.76 chở T, T; C đi xe biển số: 75H1-637.76 chở Hải Q và M; H đi xe biển số: 75H1-273.18 chở H; B đi xe biển số: 75H1-0587 chở B và T, cả nhóm đi trên 04 xe mô tô cầm theo hung khí cùng chạy về khu vực đèn xanh, đèn đỏ nhưng không thấy nhóm của T nên nhóm T tiếp tục chạy đi tìm. Khi lên đến đoạn qua cầu T, phường A, thành phố H thì B chở B và T chạy vượt lên phía trước, B ngồi giữa cầm cây kiếm nhựa chỉ vào T và Q, B chở T đến thì T phát hiện Q đang đứng nói chuyện với T và P. Lúc này, T cùng T nhảy xuống xe, T cầm một con dao tự chế chém 03 nhát vào vai Q thì Q dùng tay trái để đỡ, T cũng dùng dao tự chế chém 05-06 nhát vào lưng Q, H chạy đến dùng gậy 03 khúc đánh 02 cái vào đầu, đánh 06-07 cái vào người Q. M, C và Hải Q dùng chân đạp vào người Q, hậu quả làm Q bị thương tích. Còn B, H, B, B, T vẫn ngồi trên xe mô tô. Sau đó, P, T và người dân vào can ngăn thì cả nhóm T bỏ đi, Q được đưa đến bệnh viện H cấp cứu và điều trị đến ngày 23/6/2022 thì ra viện.

Ngày 27/06/2022, Dương Minh Q có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, xử lý các đối tượng theo quy định pháp luật.

* Tại bản Kết luận giám định số 296-22/TgT ngày 19/07/2022 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y thuộc Sở y tế tỉnh T xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Dương Minh Q như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

Vết thương phần mềm cẳng tay phải để lại sẹo, không ảnh hưởng chức năng 1%.

Vết thương nông cẳng tay phải để lại vết biến đổi sắc tố da. 0,5%.

Vết thương phần mềm cẳng tay trái để lại sẹo, không ảnh hưởng chức năng. 1%.

Vết thương nông cẳng tay trái để lại vết biến đổi sắc tố da. 0,5%.

Sẹo phần mềm cổ tay trái (03 vết). 4%.

Vết thương phần mềm cổ tay trái đứt hoàn toàn lộ gân gấp nông sâu II, III, IV, V đứt thần kinh trụ, thần kinh giữa và động mạch trụ đã phẫu thuật khâu nối hiện mất chức năng bàn-ngón tay trái. 31%.

Vết thương phần mềm đùi trái để lại sẹo, không ảnh hưởng chức năng. 1%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là: 36% (Ba mươi sáu phần trăm).

3. Vật gây và cơ chế hình thành thương tích:

Tổn thương cẳng tay hai bên và cổ tay trái do vật sắc tác động phù hợp với tư thế chống đỡ.

Tổn thương đùi trái do vật sắc tác động hướng từ trên xuống dưới./.

** Vật chứng của vụ án tạm giữ gồm:*

- 01 (một) mũ bằng nhựa màu đen có dán nhãn "mũ thể thao" có một vết vỡ trên mũ (tạm giữ của Dương Minh Q);

- 01 (một) con dao tự chế chiều dài 47,7cm, lưỡi bằng kim loại đã gỉ rét dài 33cm, 01 lưỡi sắc. đầu nhọn chỗ rộng nhất 7,3 cm, cán bằng gỗ dài 12,5 cm (tạm giữ của Phan Đức T);

- 01 (một) gậy ba khúc bằng kim loại tổng chiều dài khi kéo ra là 61,5 cm; có tay cầm bộc cao su màu đen dài 21 cm (tạm giữ từ Nguyễn Quốc H);

Các vật chứng trên chuyển Cơ quan Thi hành án Dân sự thành phố H để phục vụ công tác truy tố và xét xử.

- Đối với 01 (một) con dao tự chế dài khoảng 50 cm của Nguyễn Văn T sử dụng chém Quân sau khi gây án xong, Thông đã vứt bỏ dao xuống biển nên không thu giữ được.

- Đối với xe mô tô 75K1-121.76 do Đặng Văn B sử dụng chở Phan Đức T và Nguyễn Văn T; xe mô tô 75H1-637.76 do Dương Văn C chở Nguyễn Văn M và Lê Hoàng Hải Q; xe mô tô 75H1-273.18 do Nguyễn Quốc H chở Nguyễn Đức H và xe mô tô 75H1-0587 do Nguyễn Xuân B chở Ngô Gia B và Ngô Quốc T đều thuộc sở hữu của ba mẹ các bị cáo và họ không biết các bị cáo sử dụng xe để đi gây án nên Cơ quan Điều tra không thu giữ.

** Về trách nhiệm dân sự:* Quá trình điều tra, bị hại Dương Minh Q yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số tiền là 138.495.000 đồng. Trong đó gia đình các bị cáo Phan Đức T đã bồi thường 2.000.000 đồng, Nguyễn Văn T bồi thường 5.000.000 đồng, Nguyễn Quốc H đã bồi thường 5.000.000 đồng, Dương Văn C đã bồi thường 2.500.000 đồng, Nguyễn Văn M bồi thưởng 2.500.000 đồng, Lê Hoàng Hải Q, Đặng Văn B, Nguyễn Đức H và Ngô Quốc T đã bồi thường 1.000.000 đồng mỗi người. Tổng cộng số tiền đã bồi thường là 21.000.000 đồng. Các bị cáo Nguyễn Xuân B, Ngô Gia B chưa bồi thưởng.

Tại bản cáo trạng số 46/CT-VKSTPH ngày 31 tháng 01 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố Phan Đức T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quốc H, Lê Hoàng Hải Q, Nguyễn Văn M, Dương Văn C, Đặng Văn B, Nguyễn Đức H, Nguyễn Xuân B, Ngô Gia B và Ngô Quốc T về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo phạm tội "Cố ý gây thương tích".

- Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

Phan Đức T 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, Nguyễn Văn T từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù; Nguyễn Quốc H từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù, Nguyễn Xuân B từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù (không áp dụng Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự).

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 65, Điều 91 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

Nguyễn Văn M từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, Dương Văn C từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù, Lê Hoàng Hải Q từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù cho hưởng án treo, Đặng Văn B và Nguyễn Đức H từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 05 tháng tù cho hưởng án treo, Ngô Quốc T và Ngô Gia B từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù cho hưởng án treo

- Về trách nhiệm dân sự:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các hóa đơn, chứng từ hợp lệ, các chi phí hợp lý phù hợp với quy định của pháp luật, chấp nhận các khoản chi phí sau:

+ Tiền viện phí và thuốc điều trị tổng cộng là 23.177.269 đồng

+ Tiền thu nhập thực tế bị mất là 27.000.000 đồng.

+ Tiền thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc trong thời gian điều trị tại bệnh viện là 5.100.000 đồng.

+ Tiền bồi dưỡng tại bệnh viện là 4.250.000 đồng; tiền bồi dưỡng sau khi ra viện là 6.000.000 đồng.

Đối với tiền phục hồi chức năng sau 02 năm là 72.000.000 đồng. Đây là chi phí không có trong thực tế nên chưa có cơ sở để xem xét.

Buộc tất cả các bị cáo phải liên đới bồi thường các khoản nói trên.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) mũ bằng nhựa màu đen có dán nhãn "mũ thể thao" có một vết vỡ trên mũ (tạm giữ của Dương Minh Q); 01 (một) con dao tự chế chiều dài 47,7cm, lưỡi bằng kim loại đã gỉ rét dài 33cm, 01 lưỡi sắc. đầu nhọn chỗ rộng nhất 7,3 cm, cán bằng gỗ dài 12,5 cm (tạm giữ của Phan Đức T); 01 (một) gậy ba khúc bằng kim loại tổng chiều dài khi kéo ra là 61,5 cm; có tay cầm bộc cao su màu đen dài 21 cm (tạm giữ từ Nguyễn Quốc H).

- Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

* Người bào chữa cho các bị cáo sau khi phân tích nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội, đặc điểm tâm sinh lý theo độ tuổi của mỗi bị cáo; tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò của mỗi bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định đối với người chưa thành niên phạm tội xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo Phan Đức T, Nguyễn Văn T và Đỗ Quốc Hùng; xét xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho hưởng án treo đối với Dương Văn C, Nguyễn Văn M, Lê Hoàng Hải Q, Nguyễn Đức H, Đặng Văn B và Ngô Quốc T.

Về trách nhiệm dân sự: Đồng ý với quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 06/06/2022, tại khu vực cầu T, thôn T, phường A, thành phố H, chỉ vì mâu thuẫn giữa nhóm bạn gái của mình với anh Dương Minh Q, Phan Đức T đã vẫy tay rủ Nguyễn Văn T, Đặng Văn B, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn M, Dương Văn C, Lê Hoàng Hải Q, Nguyễn Xuân B, Ngô Gia B, Ngô Quốc T đánh anh Dương Minh Q. Phan Đức T và Nguyễn Văn T dùng dao tự chế chém nhiều nhát vào cơ thể và lưng của anh Quân; Nguyễn Quốc H dùng gậy 3 khúc đánh vào người anh Quân; Lê Hoàng Hải Q, Nguyễn Văn M và Dương Văn C dùng chân đạp vào người bị hại. Hậu quả, anh Dương Minh Q bị thương phần mềm cẳng tay phải, phần mềm cổ tay trái đứt hoàn toàn lộ gân, với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 36%. Toàn bộ thương tích của anh Dương Minh Q là do Phan Đức T, Nguyễn Văn T và Nguyễn Quốc H gây nên.

Các bị cáo "dùng hung khí nguy hiểm" gây thương tích cho bị hại nên thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh T đã truy tố các về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi dùng hung khí nguy hiểm đánh, chém gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo phạm vào tội rất nghiêm trọng, không những xâm hại trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn làm ảnh hưởng xấu đến an toàn, trật tự xã hội tại địa phương.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và vai trò của mỗi bị cáo thấy rằng: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, mặc dù các bị cáo không có sự bàn bạc nhưng tất cả cùng thống nhất, tiếp nhận ý chí của nhau nên phải cùng chịu về hậu quả đã xảy ra. Trong đó, Phan Đức T là người khởi xướng và dùng dao chém 03 nhát vào người bị hại nên phải chịu trách nhiệm chính; Nguyễn Văn T cũng dùng dao tự chế chém 05-06 nhát vào lưng Quân, Ngô Quốc Hùng dùng gậy 03 khúc đánh 02 cái vào đầu, đánh 06-07 cái vào người Quân nên cả hai bị cáo phải chịu trách nhiệm sau Tài với vai trò là người thực hành tích cực; Nguyễn Văn M, Dương Văn C, Lê Hoàng Hải Q, Đặng Văn B, Nguyễn Đức H, Nguyễn Xuân B, Ngô Gia B, Ngô Quốc T đồng phạm với vai trò giúp sức tích cực. Vì vậy, bị cáo nào thực hiện hành vi nguy hiểm hơn, có nhân thân xấu hơn thì phải chịu hình phạt nghiêm khắc hơn.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Quốc H, Lê Hoàng Hải Q, Nguyễn Văn M, Dương Văn C, Nguyễn Đức H, và Ngô Quốc T có nhân thân tốt; các bị cáo Phan Đức T và Nguyễn Xuân B ngoài lần phạm tội này đang bị khởi tố về hành vi phạm tội khác; Đặng Văn B và Ngô Gia B mặc dù được xác định không có tiền án, tiền sự nhưng mỗi bị cáo đều đã một lần bị xử phạt vi phạm hành chính. Tất cả các bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo Phan Đức T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quốc H, Dương Văn C, Nguyễn Văn M, Lê Hoàng Hải Q, Nguyễn Đức H, Đặng Văn B, Nguyễn Văn Bin, Ngô Gia B và Ngô Quốc T đã tác động gia đình bồi thường một

phần thiệt hại cho bị hại nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Từ những phân tích, đánh giá trên, xét thấy cần xử phạt các bị cáo hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân của các bị cáo. Xét các bị cáo Phan Đức T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quốc H, Dương Văn C, Nguyễn Văn M, Lê Hoàng Hải Q, Nguyễn Đức H, Đặng Văn B, Nguyễn Văn Bin, Ngô Gia B và Ngô Quốc T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự) nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ Luật hình sự, xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa là có căn cứ.

Xét thấy Phan Đức T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quốc H thực hiện hành vi phạm tội rất nguy hiểm, gây toàn bộ thương tích cho bị hại, Nguyễn Xuân B là người đã thành niên, đang bị khởi tố về tội phạm khác nên cần thiết phải cách ly tất cả 04 bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội một thời gian. Đối với Lê Hoàng Hải Q, Nguyễn Văn M, Dương Văn C, Nguyễn Đức H, Đặng Văn B, Ngô Gia B và Ngô Quốc T là người chưa thành niên, có nơi cư trú rõ ràng, có vai trò thứ yếu, không trực tiếp gây thương tích, có khả năng tự cải tạo. Trong đó, Nguyễn Văn M, Dương Văn C và Lê Hoàng Hải Q mặc dù có dùng tay, chân tác động vào bị hại nhưng không gây thương tích, khi phạm tội các bị cáo này chưa đủ 17 tuổi, hiện nay Lê Hoàng Hải Q đang là học sinh lớp 10 trường THPT A, thành phố H; Nguyễn Văn M đang là học sinh trường THCS Phú Tân, thành phố H, các bị cáo được nhà trường đánh giá trong quá trình học tập chưa có sai phạm gì; bị cáo Dương Văn C vì điều kiện khó khăn nên nghỉ học nay đang có nguyện vọng trở lại trường học tập; bản thân Nguyễn Đức H đang bị bệnh hiểm nghèo (ung thư đại tràng) nên cần xem xét giảm nhẹ, tạo điều kiện cho các bị cáo hòa nhập vào đời sống xã hội. Như vậy, việc áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lê Hoàng Hải Q, Nguyễn Văn M, Dương Văn C, Nguyễn Đức H, Đặng Văn B, Ngô Gia B và Ngô Quốc T để cho các bị cáo được hưởng án treo là hoàn toàn có căn cứ pháp luật nhằm tạo điều kiện cho các bị cáo sửa chữa sai lầm, làm ăn và học tập, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Các bị cáo Nguyễn Quốc H, Lê Hoàng Hải Q, Nguyễn Văn M, Đặng Văn B và Nguyễn Đức H thực hiện hành vi phạm tội khi độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi; các bị cáo Phan Đức T, Nguyễn Văn T, Dương Văn C, Ngô Gia B và Ngô Quốc T thực hiện hành vi phạm tội khi độ tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi. Do đó, khi quyết định hình phạt cần áp dụng Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự cho tất cả các bị cáo nêu trên.

[5] Về xử lý vậy chứng: 01 (một) mũ bằng nhựa màu đen có dán nhãn "mũ thể thao" có một vết vỡ trên mũ (tạm giữ của Dương Minh Q); 01 (một) con dao tự chế chiều dài 47,7cm, lưỡi bằng kim loại đã gỉ rét dài 33cm, 01 lưỡi sắc, đầu nhọn chỗ rộng nhất 7,3 cm, cán bằng gỗ dài 12,5 cm (tạm giữ của Phan Đức T); 01 (một) gậy ba khúc bằng kim loại tổng chiều dài khi kéo ra là 61,5 cm; có tay cầm bộc cao su màu đen dài 21 cm (tạm giữ từ Nguyễn Quốc H) là hung khí gây án, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra anh Dương Minh Q yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền là 138.495.000 đồng, trong đó:

Tiền viện phí và thuốc điều trị tổng cộng 24.145.000 đồng (trong đó tiền viện phí là 19.351.000 đồng và tiền thuốc điều trị là 4.794.000 đồng);

Tiền bồi dưỡng tại bệnh viện 17 ngày x 250.000 đồng = 4.250.000 đồng;

Tiền bồi dưỡng sau khi ra viện 30 ngày x 200.000 đồng = 6.000.000 đồng;

Tiền thu nhập thực tế bị mất là 90 ngày x 300.000 đồng = 27.000.000 đồng;

Tiền thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc trong thời gian điều trị tại bệnh viện 17 ngày x 300.000 đồng = 5.100.000 đồng;

Tiền phục hồi chức năng sau 02 năm x 36.000.000 đồng/năm = 72.000.000 đồng.

Các bị cáo đã bồi thường được số tiền 21.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh Q yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 117.495.000 đồng.

Căn cứ vào các hóa đơn, chứng từ mà anh Q đã cung cấp thể hiện tiền viện phí và thuốc điều trị tổng cộng là 23.177.269 đồng. Do đó chỉ chấp nhận buộc các bị cáo phải bồi thường cho anh Q số tiền là 23.177.269 đồng.

Đối với tiền thu nhập thực tế bị mất là 27.000.000 đồng. Xét thấy anh Q làm nghề thợ sắt thu nhập bình quân 300.000 đồng/ngày. Thời gian anh Q điều trị tại bệnh viện là 17 ngày, sau khi ra viện anh Q chưa thể đi làm ngay mà phải ở nhà để tiếp tục điều trị thương tích. Do đó tổng thu nhập thực tế anh Quân bị mất trong thời gian điều trị là 90 ngày x 300.000 đồng/ngày = 27.000.000 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với tiền thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc trong thời gian điều trị tại bệnh viện là 5.100.000 đồng. Xét thấy mẹ của anh Q - bà Đinh Thị Thanh T là người trực tiếp chăm sóc anh Q trong 17 ngày điều trị tại bệnh viện. Bà T là tiểu thương buôn bán tại chợ M, thu nhập bình quân 300.000 đồng/ngày. Quá trình chăm sóc anh Q đã ảnh hưởng đến công việc và thu nhập của bà T. Do đó, tiền thu nhập thực tế bị mất của bà T là 5.100.000 đồng trong thời gian 17 ngày là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu bồi thường tiền bồi dưỡng tại bệnh viện là 4.250.000 đồng; tiền bồi dưỡng sau khi ra viện là 6.000.000 đồng. Do anh Q không chứng minh được đối với các yêu cầu này nên không xem xét.

Đối với tiền phục hồi chức năng sau 02 năm là 72.000.000 đồng. Đây là chi phí trong tương lai nên chưa có cơ sở để xem xét. Sau khi có chi phí thực tế, bị hại có thể khởi kiện bằng vụ án tranh chấp dân sự khác.

Đối với bồi thường về tổn thất tinh thần, do không có yêu cầu nên không xem xét.

Như vậy, tổng số tiền mà các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh Quân là 23.177.269 đồng + 27.000.000 đồng + 5.100.000 đồng = 55.277.269 đồng. Các bị cáo đã bồi thường số tiền 21.000.000 đồng nên phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 34.277.269 đồng.

Mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường tương đương với tính chất, mức độ nguy hiểm và hậu quả do hành vi phạm tội mà mình gây ra. Trong đó:

Phan Đức T chịu trách nhiệm bồi thường với tỷ lệ 40% là 55.277.269 đồng x 40% = 22.110.907 đồng. Bị cáo Tài đã bồi thường 2.000.000 đồng nên phải bồi thường số tiền còn lại là 20.110.907 đồng;

Nguyễn Văn T và Nguyễn Quốc H chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại với tỷ lệ 30% là 55.277.269 đồng x 30% = 16.583.180 đồng. Mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 16.583.180 đồng/2 = 8.291.590 đồng. Bị cáo Thông và bị cáo Hùng mỗi bị cáo đã bồi thường 5.000.000 đồng nên mỗi bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 3.291.590 đồng.

Nguyễn Văn M, Dương Văn C và Lê Hoàng Hải Q chịu trách nhiệm bồi thường với tỷ lệ 20% là 55.277.269 đồng x 20% = 11.055.453 đồng. Mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 11.055.453 đồng/3 = 3.685.151 đồng. Bị cáo Mẫn và bị cáo Chuẩn mỗi bị cáo đã bồi thường số tiền là 2.500.000 đồng nên mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 1.185.151 đồng; bị cáo Hải Quân đã bồi thường số tiền là 1.000.000 đồng nên phải bồi thường số tiền còn lại là 2.685.151 đồng.

Đặng Văn B, Nguyễn Đức H, Ngô Gia B, Nguyễn Xuân B và Ngô Quốc T chịu trách nhiệm bồi thường với tỷ lệ 10% là 55.277.269 đồng x 10% = 5.527.726 đồng. Mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 5.527.726 đồng/5= 1.105.545 đồng. Các bị cáo Bôn, Hiếu và Thành mỗi bị cáo đã bồi thường số tiền là 1.000.000 đồng nên mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 105.545 đồng. Bị cáo Bin và bị cáo Bảo chưa bồi thường nên mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 1.105.545 đồng.

Do các bị cáo Phan Đức T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quốc H, Lê Hoàng Hải Q, Nguyễn Văn M, Dương Văn C, Đặng Văn B và Nguyễn Đức H là người chưa thành niên và không có tài sản riêng nên cha, mẹ đẻ của các bị cáo phải bồi thường thay cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 586 Bộ luật dân sự..

Nguyễn Xuân B, Ngô Gia B và Ngô Quốc T tính đến thời điểm xét xử đã trưởng thành nên phải tự chịu trách nhiệm bồi thường cho bị hại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị cáo Phan Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 20.110.907 đồng x 5% = 1.005.545 đồng;

Các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn M, Dương Văn C, Lê Hoàng Hải Q, Đặng Văn B, Ngô Gia B, Nguyễn Xuân B và Ngô Quốc T mỗi bị cáo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyễn Văn T, Nguyễn Đức H có giấy xác nhận hộ cận nghèo nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội miễn án phí cho các bị cáo.

- Do Phan Đức T, Nguyễn Quốc H, Lê Hoàng Hải Q, Nguyễn Văn M, Dương Văn C, Đặng Văn B là người chưa thành niên và không có tài sản riêng nên cha, mẹ đẻ phải nộp thay án phí cho các bị cáo. Đối với Nguyễn Xuân B, Ngô Gia B và Ngô Quốc T tính đến thời điểm xét xử đã trưởng thành nên phải nộp án phí theo quy định.

[9] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên, Kiểm sát viên khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các Quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phan Đức T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quốc H, Lê Hoàng Hải Q, Nguyễn Văn M, Dương Văn C, Đặng Văn B, Nguyễn Đức H, Nguyễn Xuân B, Ngô Gia B và Ngô Quốc T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

- Phan Đức T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày bắt giam thi hành án trong vụ án này.

- Nguyễn Văn T 03 (ba) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày 17/8/2022.

- Nguyễn Quốc H 02 (hai năm tù, thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày 17/8/2022.

2.2. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

Nguyễn Xuân B 02 năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án trong vụ án này.

2.3. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 65, Điều 91 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Văn M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Dương Văn C .....02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Lê Hoàng Hải Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Đặng Văn B 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 10 (mười) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Nguyễn Đức H 01 (một) năm 03 (ba)..... tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu)kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Ngô Quốc T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Ngô Gia B 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Lê Hoàng Hải Q, Nguyễn Văn M, Dương Văn C, Đặng Văn B, Nguyễn Đức H, Ngô Gia B và Ngô Quốc T cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) mũ bằng nhựa màu đen có dán nhãn "mũ thể thao" có một vết vỡ trên mũ (tạm giữ của Dương Minh Q); 01 (một) con dao tự chế chiều dài 47,7cm, lưỡi bằng kim loại đã gỉ rét dài 33cm, 01 lưỡi sắc, đầu nhọn chỗ rộng nhất 7,3 cm, cán bằng gỗ dài 12,5 cm (tạm giữ của Phan Đức T); 01 (một) gậy ba khúc bằng kim loại tổng chiều dài khi kéo ra là 61,5 cm; có tay cầm bộc cao su màu đen dài 21 cm (tạm giữ từ Nguyễn Quốc H).

Các vật chứng trên có đặc điểm được xác định theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/01/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587, 590 Bộ luật Dân sự;

Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh Dương Minh Q số tiền 55.277.269 đồng. Các bị cáo Phan Đức T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn M, Dương Văn C, Lê Hoàng Hải Q, Đặng Văn B, Nguyễn Đức H và Ngô Quốc T đã bồi thường 21.000.000 đồng nên các bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 34.277.269 đồng Trong đó phần bồi thường của mỗi bị cáo như sau:

Bị cáo Phan Đức T phải bồi thường cho anh Dương Minh Q số tiền 20.110.907 đồng. Ông Phan Văn Trai và bà Lê Thị Thúy phải bồi thường thay cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Dương Minh Q số tiền 3.291.590 đồng. Ông Nguyễn Văn Thành và bà Nguyễn Thị T phải bồi thường thay cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Quốc H phải bồi thường cho anh Dương Minh Q số tiền 3.291.590 đồng. Ông Nguyễn Thanh V và bà Trần Thị Bích T phải bồi thường thay cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn M phải bồi thường cho anh Dương Minh Q số tiền 1.185.151 đồng. Ông Nguyễn Văn L và bà Phan Thị P phải bồi thường thay cho bị cáo.

Bị cáo Dương Văn C phải bồi thường cho anh Dương Minh Q số tiền 1.185.151 đồng. Ông Dương Văn C và bà Trần Thị C phải bồi thường thay cho bị cáo.

Bị cáo Lê Hoàng Hải Q phải bồi thường cho anh Dương Minh Q số tiền 2.685.151 đồng. Ông Lê Văn N và bà Trần Thị L phải bồi thường thay cho bị cáo.

Bị cáo Đặng Văn B phải bồi thường cho anh Dương Minh Q số tiền 105.545 đồng. Ông Đặng Văn Đ và bà Nguyễn Thị B phải bồi thường thay cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Đức H phải bồi thường cho anh Dương Minh Q số tiền 105.545 đồng. Ông Nguyễn C và bà Lê Thị C phải bồi thường thay cho bị cáo.

Bị cáo Ngô Quốc T phải bồi thường cho anh Dương Minh Q số tiền 105.545 đồng.

Các bị cáo Nguyễn Xuân B và Ngô Gia B mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Dương Minh Q số tiền 1.105.545 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc Phan Đức T, Nguyễn Quốc H, Lê Hoàng Hải Q, Dương Văn C, Đặng Văn B, Nguyễn Đức H, Nguyễn Xuân B, Ngô Gia B và Ngô Quốc T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị cáo Phan Đức T phải chịu 1.005.545 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn M, Dương Văn C, Lê Hoàng Hải Q, Đặng Văn B, Ngô Gia B, Nguyễn Xuân B và Ngô Quốc T mỗi bị cáo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phan Văn Trai và bà Lê Thị Thúy (cha, mẹ bị cáo Tài); ông Nguyễn Thanh V và bà Trần Thị Bích T (cha, mẹ bị cáo Hùng); ông Nguyễn Văn L và bà Phan Thị P (cha, mẹ bị cáo Mẫn); ông Dương Văn C và bà Trần Thị C (cha, mẹ bị cáo Chuẩn); ông Lê Văn N và bà Trần Thị L (cha, mẹ bị cáo Hải Quân); ông Đặng Văn Đ và bà Nguyễn Thị B (cha, mẹ bị cáo Bôn) phải nộp thay án phí cho các bị cáo.

6. Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- Sở tư pháp tỉnh T;
- Phòng PV 06 CA tỉnh T;
- VKSND TP H;
- CA thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Bị cáo;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tôn Minh Hiền